|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔNG QUÁT**

*(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTQD, ngày tháng năm 2022)*

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Tên học phần (tiếng Việt):*** | **Tiếng Anh Chuyên ngành** |
| ***- Tên học phần (tiếng Anh)*** | **English for IT** |
| ***- Mã số học phần*** | **CNTT1192** |
| ***- Thuộc khối kiến thức*** | **Các học phần bắt buộc** |
| ***- Số tín chỉ*** | **3 tín chỉ** (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ) |
| ***+ Số tiết lý thuyết*** | **30** |
| ***+ Số tiết thảo luận/thực hành***  ***+ Số tiết tự học*** | **15**  ***90*** |
| ***- Các học phần tiên quyết:*** | **null** |

**2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY**

Bộ môn quản lý: **Bộ môn Công nghệ thông tin**

Địa chỉ: Phòng **1310 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân**

Giảng viên:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TS. Đặng Minh Quân | 0364102376 | quandm@neu.edu.vn |
| TS. Nguyễn Trung Tuấn | 0913537768 | tuannt@neu.edu.vn |

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)**

Học phần này cung cấp kiến thức giúp sinh viên có thể hiểu được tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực công nghệ thông tin; từ vựng chuyên ngành. Đọc và hiểu những tài liệu cơ bản chuyên ngành CNTT. Trao đổibằng tiếng Anh những vấn đề đơn giản của CNTT với người nước ngoài sử dụng tiếng Anh.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết để tìm kiếm, truy xuất và khai thác các nguồn học liệu bằng tiếng Anh liên quan đến những môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo, và tiếp tục học cao hơn.

**4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)**

**Giáo trình:**

[1] Eric H Glendinning, John Mcewan (2002) Oxford English for Information Technology, Oxford.

**Tài liệu khác:**

[2] Trần Nga, Hương Giang. **Tiếng anh dành cho người sử dụng vi tính.** Nhà xuất bản từ điển Bách Khoa 2009

[3] Lê Thành. **Tiếng anh dụng vi tính căn bản cho người sử dụng vi tính.** Nhà xuất bản đại học sư phạm 2004

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)**

**Bảng 5.1. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mô tả**  **mục tiêu học phần** | **CĐR (PLO) của CTĐT** | **Mức độ** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | Cung cấp cho người học các từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp được sử dụng nhiều trong chuyên ngành CNTT. Giới thiệu cho người học cách vận dụng các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp đó trong các hoàn cảnh khác nhau như viết luận, trao đổi kỹ thuật, dịch Anh - Việt, Việt – Anh các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành. | PLO 1.4.3 | 3 |
| G2 | Sinh viên biết cách tìm kiếm thông tin, tìm tài liệu bằng tiếng Anh để tham khảo kiến thức chuyên sâu. Trao đổi học thuật đơn giản với người nước ngoài nói tiếng Anh. | PLO 2.1.1, PLO 2.3.1, PLO 2.3.2 | 3U, 3U |
| G3 | Học phần góp phần phát triển khả năng viết luận độc lập cũng như khả năng tạo nhóm giao tiếp, trao đổi các vấn đề chuyên môn. Bước đầu trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực CNTT. | PLO 3.1.1, PLO 3.1.2, PLO 3.2.3 | 3, 3, 3 |

**6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)**

**Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

| **Mục tiêu** | **CLOs** | **Mô tả CLOs\*** | **Mức độ đạt được\*\*** |
| --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | CLO1.1 | Giải thích và dịch nghĩa các từ vựng tiếng Anh thường sử dụng trong chuyên ngành CNTT. | 2 |
| CLO1.2 | Giải thích các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh thường sử dụng trong chuyên ngành CNTT. | 2 |
| CLO1.3 | Phân chia các trường hợp ứng dụng các cấu trúc ngữ pháp. | 3 |
| CLO1.4 | Vận dụng các từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong viết luận, giao tiếp, dịch thuật. | 4 |
| G2 | CLO2.1 | Có kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp, phân tích, trình bày các bài luận nhỏ cho từng chuyên đề đặc trưng của chuyên ngành | 2 |
| CLO2.2 | Thực hành kỹ năng giao tiếp trong nhóm thực hành tiếng Anh | 3 |
| CLO2.3 | Có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp, dịch thuật chuyên ngành | 3 |
| G3 | CLO3.1 | Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao. | 3 |
| CLO3.2 | Có ý thức tổ chức kỷ luật lớp học, tuân thủ các nội quy lớp học, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động được giảng viên giao. | 3 |
| CLO3.3 | Có khả năng tổ chức nhóm và giao tiếp trong nhóm thực hành tiếng Anh |  |

**7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)**

**Bảng 7.1. Đánh giá học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **CLOs** | **Tỷ lệ (%)** |
| **[1]** | **[4]** | **[6]** |
| Chuyên cần | CLO1.x -CLO3.x | 10% |
| Đánh giá quá trình | CLO1.x – CLO3.x | 40% |
| CLO1.x, CLO2.3, CLO3.2 |
|  |
| Đánh giá cuối kỳ | CLO1.x, CLO2.3, CLO3.2 | 50% |

**8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)**

**Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung giảng dạy\*** | **CLOs** | **Công cụ  đánh giá\*\*\*\*** |
| **[1]** | **[2]** | **[4]** | **[6]** |
| 1 | **Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT** | CLO2.1,  CLO3.1,  CLO3.2 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 2 | **Chương 1: Computer Hardware**  Topic 1. Computer Types | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| 3 | **Chương 1: Computer Hardware**  Topic 2. The components of a Computer | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| 4 | **Chương 1: Computer Hardware**  Topic 3. Storage and Memory | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| 5 | **Chương 1: Computer Hardware**  Topic 4. Input and Output Devices | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| 6 | **Chương 1: Computer Hardware**  Topic 5. Peripherals | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| 7 | **Chương 2: Software**  Topic 6. Introduction to Software | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| 8 | **Bài kiểm tra giữa kỳ** | CLO1.x, CLO2.3, CLO3.2 | Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm |
| 9 | **Chương 2: Software**  Topic 7. Operating Systems | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| 10 | **Chương 2: Software**  Topic 8. Software Applications | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
|  |  |  |
| 11 | **Chương 2: Software**  Topic 9. Programming Languages | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| 12 | **Chương 3: Networking**  Topic 10. Networking | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| 13 | **Chương 3: Networking**  Topic 11. The Internet | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| 14 | **Chương 4: IT Careers**  Topic 12. IT Careers | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| 15 | **Chương 4: IT Careers**  Topic 13. People in IT | CLO1.x – CLO3.x | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời  Bài tập áp dụng |
| - | **Bài thi cuối kỳ** | CLO1.x, CLO2.3, CLO3.2 | Theo yêu cầu bài thi |

**9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)**

**9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần**

* Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

**9.2. Quy định về tham dự lớp học**

* Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
* Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm chuyên cần, điểm kiểm tra.

**9.3. Quy định về hành vi lớp học**

* Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
* Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
* Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
* Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
* Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Phạm Xuân Lâm** | **TRƯỞNG KHOA/VIỆN**  **TS. Nguyễn Trung Tuấn** | **HIỆU TRƯỞNG**  **PGS.TS. Phạm Hồng Chương** |